

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17/4/2024
V/v Ly hôn, nuôi con chung sau
ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Huyền

2. Ông Vi Thanh Cầm

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Ánh Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/3/2024 về việc: “*Ly hôn, nuôi con chung sau ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Vỳ Thị L – Sinh năm: 1993. Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt

2. ***Bị đơn:*** Anh Ma Đình V – Sinh năm: 1991. Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Hiện đang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vỳ Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh V kết hôn năm 2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống và đã được UBND xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05/2015 ngày 09/3/2015. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, nhưng từ năm 2018, anh V đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản thì vợ chồng anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm

và do sống xa cách. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng, hai gia đình cùng can thiệp nhưng chị và anh V vẫn không thể hòa giải được với nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh V được ly hôn

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị L và anh V có 01 con chung là cháu Ma Đình C, sinh ngày 12/10/2015, giới tính: Nam. Hiện cháu C khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang sinh sống với chị L tại thôn L, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Do anh V đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản nên khi ly hôn chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Ma Đình C đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, hiện nay do tính chất công việc và nơi sinh sống của anh V ở nước ngoài, không thể có mặt trực tiếp tham gia quá trình Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn và để sớm ổn định cuộc sống. Do vậy, chị L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn: Giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ việc, không tiến hành hòa giải theo quy định của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử vụ án trước thời gian theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại các văn bản trình bày ý kiến, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Ma Đình V trình bày:

Anh V nhất trí với nội dung trình bày của chị Vỹ Thị L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vỹ Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống và đã được UBND xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05/2015 ngày 09/3/2015. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, tuy nhiên từ khi anh V đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và do sống xa cách. Nay anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị L được Ly hôn.

Về con chung: Anh nhất trí như nội dung trình bày của chị L. Trong thời kỳ hôn nhân hai anh chị có 01 con chung là cháu Ma Đình C, sinh ngày 12/10/2015, giới tính: Nam. Do hiện nay anh V đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản nên khi ly hôn anh nhất trí với yêu cầu của chị L, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Ma Đình C đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V nhất trí với ý kiến của chị L. Anh và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Nhất trí với ý kiến của chị L. Anh và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về địa chỉ của anh V tại Nhật Bản, hiện nay do công việc của anh V phải thường xuyên phải di chuyển nhiều nơi tại Nhật Bản nên anh không thông báo cho chị L và gia đình biết địa chỉ tại Nhật Bản, từ chối cung cấp cho Tòa án địa chỉ tại Nhật Bản. Tuy nhiên anh vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình bằng điện thoại và Z. Anh nhất trí ủy quyền cho mẹ đẻ là bà B Hoàng Thị C1 (Căn cước công dân số: 006151002950, ngày cấp: 11/8/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội). Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn đại diện cho anh V nộp và tiếp nhận các văn bản tố tụng, hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc giải quyết ly hôn tại Tòa án.

Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, hiện nay do tính chất công việc và nơi sinh sống của anh V ở nước ngoài, không thể có mặt trực tiếp tham gia quá trình Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn và để sớm ổn định cuộc sống, anh V đề nghị Tòa án: Giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ việc, không tiến hành hòa giải theo quy định của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử vụ án trước thời gian theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại Biên bản về việc hỏi ý kiến con chung, cháu Ma Đình C trình bày:

Cháu Ma Đình C là con chung của chị Vỹ Thị L và anh Ma Đình V. Hiện nay, bố cháu đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản nên khi bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ cháu là chị Vỹ Thị L.

Tại Biên bản làm việc, bà Hoàng Thị C1. Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn trình bày:

Bà là mẹ đẻ anh Ma Đình V. Về địa chỉ của anh V tại Nhật Bản do anh V không thông báo nên bà cũng không cung cấp được cho Tòa án địa chỉ của anh

V tại Nhật Bản. Tuy nhiên anh V vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình thông qua điện thoại và zalo, facebook. Bản tự khai đề ngày 21/01/2024 của anh Ma Đình V là do anh V viết và ký xác nhận. Văn bản trên do anh V gửi cho bà để nộp cho Tòa án. Theo như bản tự khai và biên bản lấy lời khai thì anh V đã ủy quyền cho bà giao nộp và nhận toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án, bà hoàn toàn nhất trí với ý kiến của anh V và cam kết thực hiện đầy đủ, đúng quy định các nội dung đã nhận ủy quyền.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng:

Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn xét xử: Theo thông báo thụ lý vụ án, Tòa án ấn định thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 18/9/2024 và thời gian mở phiên tòa vào ngày 18/12/2024 là đúng thời hạn quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ, các đương sự đã giao nộp đầy đủ tài liệu chứng cứ. Mặt khác các đương sự đều đề nghị Tòa án: không tiến hành hòa giải theo quy định của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử vụ án trước các mốc thời gian theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự để sớm ổn định cuộc sống. Do vậy việc Tòa án mở phiên tòa sớm hơn không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh V không còn nên việc chị L và anh V xin được ly hôn là có căn cứ cần được chấp nhận.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị L và anh V có 01 con chung là cháu Ma Đình C, sinh ngày 12/10/2015, giới tính: Nam. Do anh V đang sinh sống, làm việc tại Nhật Bản, cháu C ở với mẹ, được mẹ quan tâm, chăm sóc, hơn nữa chị L có chỗ ở và thu nhập ổn định nên đảm bảo lợi ích về mọi mặt của cháu C, theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu C cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L và anh V tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh V và chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí, đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn trước khi sinh sống và làm việc tại nước ngoài cư trú tại tỉnh Bắc Kạn, hiện nay bị đơn đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Do vậy có đủ căn cứ xác định đây là vụ án Hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài. Việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại các Điều 28, 37, 39, 469/Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử: Hiện nay bị đơn đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài không thể về Việt Nam tham gia tố tụng, vì vậy vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 228, khoản 5 Điều 477, Điều 478 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về địa chỉ của bị đơn và việc ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Bị đơn anh Ma Đình V từ chối cung cấp địa chỉ tại Nhật Bản cho Tòa án, tuy nhiên bị đơn đã ủy quyền cho mẹ đẻ của bị đơn là bà Hoàng Thị C1 nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà C1 nhất trí với ý kiến của bị đơn và cam kết thực hiện đầy đủ, đúng quy định các nội dung nhận ủy quyền. Do vậy Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn sẽ thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Điều 474/Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về thời hạn giải quyết vụ án: Theo Thông báo thụ lý vụ án, Tòa án ấn định thời gian mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 18/9/2024, thời gian mở phiên tòa vào ngày 18/12/2024 là đúng thời hạn quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều đề nghị Tòa án mở phiên họp về kiểm

tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và mở phiên tòa trước các mốc thời hạn Tòa án đã ấn định. Mặt khác chị L và anh V đều được tiếp cận đầy đủ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và cũng đã cung cấp cho Tòa án đầy đủ tài liệu, chứng cứ. Do vậy, việc Tòa án mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử trước các mốc thời gian đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị L và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống, không vi phạm các điều kiện kết hôn và đã được UBND xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05/2015 ngày 09/3/2015. Vì vậy hôn nhân giữa chị L và anh V được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị L và anh V đề thừa nhận, quá trình hôn nhân, sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên từ khi anh V đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, do sống xa cách nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tình cảm, và có nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống. Cả chị L và anh V đều xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và có nguyện vọng được ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Vỳ Thị L là có căn cứ, cần chấp nhận xử cho chị L được ly hôn với anh V.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh V đều xác nhận, trong thời kỳ hôn nhân hai anh chị có 01 con chung là cháu Ma Đình C, sinh ngày 12/10/2015, giới tính: Nam. Hiện cháu C khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang sinh sống với chị L tại thôn L, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C, bản thân cháu C cũng có ý kiến khi bố mẹ ly hôn cháu muốn ở với mẹ. Anh V nhất trí với yêu cầu của chị L, chị L có thu nhập trung bình 9.000.000 đồng/01 tháng. Hội đồng xét xử thấy, yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với thực tế bởi chị L hiện đang sinh sống tại Việt Nam, có việc làm, thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi và cũng là phù hợp với nguyện vọng của con chung, còn anh V đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản nên không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con. Do vậy căn cứ Điều 81/Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Theo quy định tại Điều 82/Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Cả nguyên đơn và bị đơn đều nhất trí tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Vỳ Thị L phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 37, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 469, Điều 474, Điều 475, Điều 476, khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Áp dụng các điều các điều 51, 56, 57, 81, 82, 122, 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vỳ Thị L cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vỳ Thị L được ly hôn với anh Ma Đình V.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Ma Đình C, sinh ngày 12/10/2015, cho chị Vỳ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vỳ Thị L phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000024 ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ. Bị đơn ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Các đương sự
- Cục THADS tỉnh Bắc Kạn(*khi BA có HLPL*);
- UBND xã L (*khi BA có HLPL*);
- Lưu tổ HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lý Thị Thúy